

Bản án số: 114/2019/HS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huệ và ông Đào Huy Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã S tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S, sinh năm 1994 tại thị trấn H, huyện H, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 8; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị H; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2019 đến ngày 08/10/2019 tại ngoại. “có mặt”

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1975. “có mặt”

Địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã S

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Kim S, sinh năm 1997. “vắng mặt”

Địa chỉ: Khối 13, thị trấn H, huyện H, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị S là bạn của anh Nguyễn Hồ Xuân H. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 04/10/2019, anh H cùng S đến chơi nhà cô của H là bà Nguyễn Thị Kim C

ở thôn L, xã C, thị xã S. Snhìn thấy bà C lấy tiền từ ví màu vàng rồi cất ví vào giỏ quần áo để ở phòng ngủ tầng một nên Snảy sinh ý định trộm cắp tiền trong ví của bà C. Lợi dụng lúc không ai để ý, Sđã lên vào buồng ngủ của bà C lấy trộm chiếc ví bên trong có số tiền 4.946.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm và 01 đăng ký xe đều mang tên Nguyễn Thị Kim C rồi cất giấu trên cửa sổ phòng ngủ. Trước khi về, Slấy chiếc ví cất vào trong túi xách màu đen của S. Khi Svà anh H về nhà anh H thì Svào phòng ngủ nhà anh H mở ví lấy hết tiền trong ví rồi vứt chiếc ví cùng giấy tờ bên trong ở vườn chuối nhà anh H.

Đến tối cùng ngày, bà C phát hiện mất chiếc ví, đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Svà thu giữ các đồ vật, tài sản bao gồm: Số tiền 5.044.000 đồng, 01 túi da màu đen, 01 điện thoại Oppo F1W, 01 điện thoại Oppo A1K đã cũ, 01 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị S, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư đều mang tên Nguyễn Kim S (em trai của S).

Cơ quan điều tra đã truy tìm và thu giữ các giấy tờ (bao gồm: Chứng minh thư, thẻ căn cước, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm, đăng ký xe đều mang tên Nguyễn Thị Kim C) bên trong ví Sđã trộm cắp, sau đó vứt tại vườn chuối nhà anh H.

Ngày 11/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của thị xã S định giá 01chiếc ví mà Strộm cắp ngày 04/10/2019 trị giá 70.000đ (bảy mươi nghìn) đồng.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 11/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Nguyễn Thị Svề tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Stừ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách gấp đôi; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Skhai: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/10/2019, lợi dụng lúc không ai để ý, Sđã

lên vào buồng ngủ nhà của bà Nguyễn Thị Kim C ở thôn L, xã C, thị xã S lấy trộm 01 chiếc ví bên trong có số tiền 4.946.000 đồng và một số giấy tờ khác của bà C.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 04/10/2019, Nguyễn Thị S đã có hành vi lén lút lên vào buồng ngủ nhà của bà Nguyễn Thị Kim C ở thôn L, xã C, thị xã S trộm cắp 01 chiếc ví bên trong có số tiền 4.946.000 đồng và một số giấy tờ khác của bà C. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.016.000 đồng. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi đó của Nguyễn Thị S cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định, đã có ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân, vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đang nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng lương khoan hồng của nhà nước, cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục, phòng ngừa. Bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập khác nên không khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo.

[2]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không phạt hình phạt bổ sung.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim C đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 98.000đ (chín tám nghìn đồng); 01 (một) túi da màu đen có quai bằng kim loại màu trắng, kích thước (20x13,5x8,5) cm, túi đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1W màu vàng hồng, số imeil 1: 869125021720094, số imeil 2: 869125021720086, bên trong máy lắp 01 sim điện thoại số 0375602705, màn hình bị nứt vỡ, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, số imeil 1: 865498043725712, số imeil 2: 865498043725704, bên trong máy

02 sim điện thoại số 0973398962 và 0355603696, máy đã qua sử dụng; 01 (một) thẻ ATM Agribank màu xanh, hồng, đen mang tên Nguyễn Thị S số thẻ 9704050832552884 thu của Nguyễn Thị S là các tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo. Đối với 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư đều mang tên Nguyễn Kim S (em ruột bị cáo) thu của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo về mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự

Tuyên bố Nguyễn Thị S phạm tội Trộm cắp tài sản

Xử phạt: Nguyễn Thị S 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày đã bị tạm giữ, còn lại 14 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại Nguyễn Thị S: 01 (một) túi da màu đen có quai bằng kim loại màu trắng, kích thước (20x13.5x8.5) cm, túi đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1W màu vàng hồng, số imeil 1: 869125021720094, số imeil 2: 869125021720086, bên trong máy lắp 01 sim điện thoại số 0375602705, màn hình bị nứt vỡ, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A1K, số imeil 1: 865498043725712, số imeil 2: 865498043725704, bên trong lắp 02 sim điện thoại số 0973398962 và 0355603696, máy đã qua sử dụng và 01 (một) thẻ ATM Agribank màu xanh, hồng, đen mang tên Nguyễn Thị S số thẻ 9704050832552884 thu của Nguyễn Thị S. (Vật chứng này hiện Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã S đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2019).

Trả lại Nguyễn Thị S số tiền 98.000đ (chín tám nghìn đồng) thu của Nguyễn Thị S. (Số tiền này Công an thị xã S đã chuyển vào tài khoản 3949.0.1052740 của Chi cục Thi hành án thị xã S ngày 13/11/2019).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức Hiếu

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND TP. H;
- VKSND TX. S;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an TX. S;
- Sở tư pháp TP. H;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NV liên quan;
- Chi cục THADS TX. S;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Đức Hiếu

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.